

**SAU KHI NGHIÊN CỨU HƯỚNG DẪN SỐ 01-HD/TW;
QUY ĐỊNH SỐ 29- QĐ/TW; 30- QĐ/TW CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

*Văn phòng Đảng uỷ đã tổng hợp, trích dẫn
một số điểm mới trong hướng dẫn và quy định trên như sau:*

I. Những nội dung mới trong Hướng dẫn số 01-HD/TU "Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng"

Hướng dẫn mới được ban hành được xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung còn phù hợp của Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 5-1-2012 của Ban Bí thư khóa XI; bổ sung một số nội dung mới để đồng bộ với Quy định số 29-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; diễn đạt lại những nội dung mà Hướng dẫn nhiệm kỳ trước chưa đề cập hoặc thể hiện chưa rõ; những vấn đề qua thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng thấy cần thiết phải bổ sung để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng và thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Bí thư Trung ương. Quy định mới cũng sửa đổi, điều chỉnh một số câu, chữ cho rõ nghĩa, súc tích hơn, hoặc thống nhất cách trình bày, diễn đạt với các văn bản của Đảng, Nhà nước mới được ban hành như: Cương lĩnh, Hiến pháp 2013, Quy chế bầu cử trong Đảng; Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại Đại hội XII của Đảng; Luật Tổ chức chính quyền địa phương

Hướng dẫn mới được kết cấu với các khoản mục bám sát thứ tự chương, điều trong Điều lệ Đảng để bảo đảm tính hệ thống và thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng và tổ chức thực hiện. Theo đó, Hướng dẫn mới có 19 mục, tăng 2 mục so với hướng dẫn của nhiệm kỳ trước, trong đó: Một mục cũ chia thành hai mục riêng (mục yêu cầu quản lý hồ sơ và mục giải quyết việc thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh); bổ sung một mục mới về thành lập đảng bộ khối trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

Hướng dẫn số 01-HD/TW ban hành có một số nội dung mới được bổ sung, sửa đổi như sau:

1. Về trình độ học vấn của người vào Đảng (Mục 1.2).

So với Hướng dẫn của nhiệm kỳ trước, trong Hướng dẫn mới đã qui định cụ thể hơn tại Mục 1.2.a về người vào Đảng nếu chỉ có trình độ học vấn “*tối thiểu hoàn thành chương trình bậc tiểu học*” phải là những người “*đang sinh sống ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều*

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo”.

Đồng thời, tại Mục 1.2.b quy định người vào Đảng “là già làng, trưởng bản, người có uy tín” cũng phải là những người đang sinh sống ở những địa bàn nêu trên và tối thiểu phải “***biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ***” và phải được “***ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương đồng ý bằng văn bản trước khi cấp ủy có thẩm quyền ra quyết định kết nạp***”.

2. Về thẩm tra lý lịch của người vào Đảng (Mục 3.4.c).

Trong nội dung qui định về phương pháp thẩm tra xác minh, ở Hướng dẫn trước đây đặt ra trường hợp “nghỉ vấn” về chính trị thì đến cơ quan an ninh ở trong nước để thẩm tra. Nay Hướng dẫn mới diễn đạt lại, thay cụm từ “nghỉ vấn” bằng “chưa rõ” và diễn đạt lại là “***trường hợp chưa rõ về chính trị thì đến cơ quan an ninh có trách nhiệm quản lý, theo dõi tổ chức đó để thẩm tra***”.

3. Về nghị quyết giới thiệu của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Mục 3.6 và Mục 5.4.a).

Ở Hướng dẫn trước đây, nội dung này chỉ thể hiện trách nhiệm của ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cơ sở trong việc ra nghị quyết giới thiệu đoàn viên vào Đảng. Hướng dẫn mới đã bổ sung trách nhiệm của “***tập thể chi đoàn cơ sở***”, nhằm bảo đảm thống nhất với qui định về thủ tục này trong tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên, phù hợp với thực tiễn hoạt động của tổ chức đoàn thanh niên hiện nay.

4. Về xem xét, kết nạp đảng viên đối với người vào Đảng thay đổi nơi công tác hoặc nơi cư trú (Mục 3.9).

Trong Hướng dẫn trước đây, ở các qui định liên quan đến việc thẩm quyền kết nạp người vào Đảng chỉ nêu “cấp ủy có thẩm quyền”, để cụ thể hóa hơn cho dễ thực hiện, ở Hướng dẫn mới bổ sung và thống nhất trình bày “***cấp ủy có thẩm quyền kết nạp đảng viên***”.

Bên cạnh đó, ở Mục 3.9.b qui định cụ thể: “***cấp ủy có thẩm quyền kết nạp đảng viên (đảng ủy được ủy quyền, ban thường vụ đảng ủy được giao quyền, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương)***”.

5. Về việc phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị (Mục 3.10)

Mục này có 2 nội dung mới được bổ sung, sửa đổi so với Hướng dẫn trước đây:

+ ***Một là, Đảng viên dự bị chuyển sinh hoạt đảng (chính thức hoặc tạm thời) đến nơi làm việc, học tập, hoặc nơi cư trú mới, thì chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi đảng viên chuyển đi nhận xét vào bản tự kiểm điểm của đảng viên dự bị “và gửi kèm bản nhận xét về đảng viên dự bị của đảng viên chính thức được phân công giúp đỡ đảng viên” báo cáo cấp ủy.***

+ ***Hai là, bổ sung nội dung mới: “Đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị trước khi chuyển sinh hoạt đảng đến tổ chức cơ sở đảng khác, có trách nhiệm gửi bản nhận xét về đảng viên dự bị. Chi bộ phân công đảng viên chính thức khác tiếp tục theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị”.***

6. Về kết nạp đảng viên trong một số trường hợp cụ thể (Mục 6.4.c).

Hướng dẫn trước đây quy định về kết nạp những người đang làm hợp đồng tại cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: “Nếu làm hợp đồng dưới 12 tháng (có thời hạn) thì tổ chức đảng nơi cư trú xem xét kết nạp”. Nay Hướng dẫn mới bổ sung, sửa đổi như sau: ***“Nếu làm hợp đồng có thời hạn, thời gian thực tế làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp dưới 12 tháng thì tổ chức đảng nơi cư trú xem xét kết nạp”***.

Đồng thời qui định: “Nếu làm hợp đồng ***liên tục từ đủ 12 tháng trở lên*** thì tổ chức đảng của cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp nơi người đó làm việc xem xét kết nạp”.

7. Về việc phát và quản lý thẻ đảng viên (Mục 7).

Bổ sung trong Hướng dẫn một mục mới (Mục 7.1.c): ***“Đảng viên bị khai trừ, xóa tên và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác thì chi bộ có trách nhiệm thu lại thẻ đảng nộp lên cấp ủy cấp trên trực tiếp”***.

Và bổ sung, sửa đổi ở Mục 7.1.d như sau: “Đảng viên hoặc tổ chức đảng phát hiện việc sử dụng thẻ đảng viên sai qui định, ***thẻ đảng bị thất lạc, mất*** hoặc làm giả thì phải kịp thời báo cáo cấp ủy”.

8. Về yêu cầu quản lý hồ sơ đảng viên (Mục 8).

Bổ sung quy định về trách nhiệm của đảng viên và cấp ủy trong việc quản lý hồ sơ đảng viên (Mục 8.3). Để khắc phục tình trạng không thực hiện nghiêm chế độ báo cáo về sự biến động của đảng viên của đảng bộ lên cấp ủy cấp trên, làm khó khăn trong công tác tổng hợp, thống kê, Hướng dẫn mới bổ sung quy định trách nhiệm của cấp ủy cơ sở trong việc kiểm tra, bổ sung danh sách đảng viên; viết “Phiếu báo đảng viên đã từ trần”, “Phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng” chuyển giao cùng hồ sơ của những đảng viên này lên cấp ủy cấp trên trực tiếp ***“chậm nhất 30 ngày làm việc”*** kể từ khi lập phiếu báo”.

Trong mục này và một số nội dung khác liên quan, trong việc diễn đạt các tổ chức đảng bị giải tán, giải thể, sáp nhập có bổ sung cụm từ ***“hợp nhất”*** cho thống nhất cách diễn đạt với Quy định thi hành Điều lệ Đảng.

9. Về giải quyết việc thay đổi họ tên và ngày tháng năm sinh.

Ở Hướng dẫn trước đây có nội dung (8.2.h. Giải quyết việc thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh), trong Hướng dẫn mới toàn bộ nội dung này được tách ra và lập thành một Mục mới (Mục 9).

Về giải quyết việc thay đổi họ, tên giữ như Hướng dẫn khóa XI, riêng nội dung thay đổi, điều chỉnh ngày tháng năm sinh được biên tập lại, bổ sung Mục 9.2 như sau:

“Kể từ ngày 18-8-2016, không xem xét điều chỉnh tuổi của đảng viên; thống nhất xác định tuổi của đảng viên theo tuổi khai trong hồ sơ đảng viên (hồ sơ gốc) khi được kết nạp vào Đảng”. Đây là sự bổ sung, thống nhất với Thông báo số 13-TB/TW ngày 17-8-2016 của Ban Bí thư.

10. Về trách nhiệm của đảng viên và cấp ủy về chuyển sinh hoạt đảng (Mục 10)

Hướng dẫn có quy định về trách nhiệm của tỉnh ủy và tương đương, trách nhiệm của Đảng ủy Ngoài nước trong việc làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên đi lao động, công tác, học tập ở nước ngoài. Hướng dẫn mới nêu

rõ việc chuyển sinh hoạt đảng: “**thực hiện theo hướng dẫn của Đảng ủy Ngoài nước**” (Mục 10.1.đ).

Về thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức, ở trong nước, Hướng dẫn mới bổ sung đối tượng là bộ đội biên phòng tăng cường cho cấp xã nơi biên giới hải đảo và qui định cụ thể như sau: “Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang đơn vị khác, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, phụ viên hoặc thay đổi nơi cư trú lâu dài; đảng viên đi công tác biệt phái, **tăng cường cho cấp xã nơi biên giới, hải đảo (đối với Bộ đội Biên phòng)**, hoặc đến làm việc theo hợp đồng **không xác định thời hạn** từ 12 tháng trở lên ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và hội quần chúng, thì giải quyết việc chuyển sinh hoạt đảng...”.

11. Việc xóa tên đảng viên trong danh sách đảng viên (Mục 11.1).

Để khắc phục tình trạng đảng viên xin ra khỏi Đảng hoặc cần phải xóa tên trong danh sách đảng viên, việc xóa tên đảng viên cũng phải bảo đảm quy trình, trong thực tế đảng viên bất hợp tác, chỉ bộ yêu cầu đến lần thứ 3 nhưng đảng viên vẫn cố tình không thực hiện. Trong trường hợp này, Hướng dẫn mới quy định chi bộ thực hiện quy trình xóa tên đảng viên, nội dung bổ sung như sau: “Đảng viên làm bản tự kiểm điểm và kiểm điểm trước chi bộ. Trường hợp chi ủy đã yêu cầu đến lần thứ 3 nhưng đảng viên đó không làm bản kiểm điểm hoặc không đến dự họp để kiểm điểm thì chi bộ vẫn xem xét, xử lý đối với đảng viên đó. **Trường hợp đảng viên cố tình không làm bản kiểm điểm theo yêu cầu của chi bộ thì chi bộ thực hiện ngay quy trình đề nghị xóa tên đảng viên**”.

12. Về đại biểu ở đại hội đại biểu và đảng viên ở đại hội đảng viên (Mục 13).

So với nội dung tương tự trong Hướng dẫn trước đây, thì Hướng dẫn mới đã lược bỏ toàn bộ các nội dung liên quan đến việc tiến hành đại hội 2 vòng và các nội dung liên quan. Cụ thể là đã bỏ Mục 12.1. “Đối với các đảng bộ tiến hành đại hội 2 vòng” và bỏ Mục 12.3 về thành viên đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu... ở đại hội vòng 2.

13. Về quy trình tổ chức đại hội (Mục 14).

Tại Mục 14.1, qui định tại phiên trù bị, đại hội “**có thể thảo luận văn kiện của cấp trên**”. Đây là nội dung mới, được bổ sung cho phù hợp với đại hội đảng bộ các cấp nhiều nhiệm kỳ qua.

Về các bước tiến hành đại hội, Hướng dẫn mới đã qui định cụ thể như sau:

- Trước đây, trong quy trình tổ chức đại hội qui định trình bày báo cáo chính trị trước, sau đó mới trình bày báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu; Nay Hướng dẫn mới đảo lại trình tự này, ngay sau diễn văn khai mạc là phần trình bày báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu.

- Bổ sung mới về trình tự trình bày, ngay sau phần báo cáo chính trị là “**báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành trong nhiệm kỳ**”.

- Trước khi bế mạc đại hội có nội dung thông qua nghị quyết đại hội, Hướng dẫn mới đã bỏ phần “**chương trình hành động**” như hướng dẫn trước đây vì không phù hợp với thực tế ngay sau khi có nghị quyết đại hội không thể ban hành ngay được chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội.

14. Việc chỉ định bổ sung hoặc tăng thêm cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ (Mục 15).

Mục 15.3 được bổ sung, sửa đổi để thống nhất thực hiện như sau: *“Những đồng chí đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử cấp ủy, ban thường vụ nhưng kết quả không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng, đồng thời phải được ít nhất trên một nửa số cấp ủy viên đương nhiệm đồng ý”*.

15. Về thành lập đảng bộ khối trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (Mục 16).

Đây là nội dung mới được bổ sung để cụ thể hóa Quy định thi hành Điều lệ Đảng, cụ thể như sau:

“Việc thành lập, giải thể đảng bộ khối trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương do tỉnh ủy, thành ủy quyết định, sau khi được Ban Bí thư đồng ý”.

16. Việc lập cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của cấp ủy (Mục 17).

Trong Hướng dẫn mới, bổ sung ở Mục 17.2. Đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được bố trí không quá 15 cán bộ chuyên trách. *“Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, nhân sự và tài chính được tự quyết định số lượng cán bộ chuyên trách công tác đảng cho phù hợp với điều kiện thực tế”*.

17. Về tặng Huy hiệu Đảng (Mục 18).

Thống nhất với Quy định thi hành Điều lệ Đảng, Hướng dẫn mới cũng qui định bổ sung **Huy hiệu Đảng 45 năm** và nêu rõ ở Mục 18.3 *“Mức tặng phẩm kèm theo Huy hiệu Đảng thực hiện theo Quy định của Ban Bí thư và hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng”*. Để thống nhất và đồng bộ với qui định, hướng dẫn về bổ sung Huy hiệu Đảng 45 năm, các cơ quan liên quan ở Trung ương đã và đang triển khai xây dựng qui định và hướng dẫn mới, kịp thời triển khai thực hiện ở cấp ủy các cấp trong thời gian tới.

Ở mục 18.5, về trách nhiệm của cấp ủy về xét tặng Huy hiệu Đảng, trong Hướng dẫn mới đã qui định trách nhiệm của cấp ủy cấp cơ sở trong việc: *“Thu hồi Huy hiệu Đảng của đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng, xóa tên gửi lên cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng”*. Như vậy, trường hợp đảng viên đã được tặng Huy hiệu Đảng, nhưng bị khai trừ hoặc xóa tên thì phải thu hồi lại huy hiệu này.

18. Về khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên (Mục 19).

So với Hướng dẫn trước đây, về nội dung này được qui định trong Hướng dẫn mới có bổ sung, sửa đổi trong việc xét tặng giấy khen, bằng khen cho tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”, trước đây các tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” 3 năm liền thì nay qui định cao hơn, phải đạt **tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” 5 năm liền**; tương tự như vậy đối với khen thưởng đảng viên đạt tiêu chuẩn **“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 5 năm liền**, thay vì qui định 3 năm liền như hướng dẫn trước đây.

II. Một số điểm mới trong Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25-7-2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng

Ngày 25-7-2016, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quy định số 29-QĐ/TW về thi hành Điều lệ Đảng, trong đó, kế thừa những nội dung cơ bản của quy định trong nhiệm kỳ trước (Quy định số 45-QĐ/TW ngày 1-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng); sửa đổi, bổ sung một số nội dung còn thiếu, chưa cụ thể, chưa rõ, những nội dung đã được chứng minh, tổng kết qua thực tiễn là phù hợp, cụ thể:

1. Về bố cục và kết cấu của quy định:

Bố cục và kết cấu của Quy định 29 được sắp xếp khoa học và gọn hơn, đảm bảo tính hệ thống theo chương, điều trong Điều lệ Đảng và thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Nội dung của quy định mới có 35 điểm, giảm 26 điểm so với quy định của nhiệm kỳ trước; một số nội dung về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng không quy định mà được quy định cụ thể trong Quy định số 30-QĐ/TW ngày 26-7-2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng.

2. Về tuổi đời và trình độ học vấn của người vào Đảng được quy định tại Điểm 1:

“*Tại thời điểm chi bộ xét kết nạp, người vào Đảng phải đủ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi (tính theo tháng)*”. Quy định nhiệm kỳ trước không quy định tuổi tối đa mà chỉ quy định từ đủ 18 tuổi là tổ chức đảng xem xét, kết nạp. Việc kết nạp vào Đảng đối với những người trên 60 tuổi vẫn phải do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy xem xét, quyết định như trước đây.

Bổ sung cụ thể về học vấn của người vào Đảng đang sinh sống ở “*vùng đồng bào dân tộc thiểu số*”, mà trước đây chỉ quy định chung là người vào Đảng đang sinh sống “*ở vùng cao, vùng sâu*” nhằm xác định cụ thể đối tượng vào Đảng ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Về quyền của đảng viên tại Điểm 2:

Bổ sung thêm quyền của đảng viên được thông báo ý kiến nhận xét của cấp ủy nơi làm việc và nơi cư trú khi giới thiệu ứng cử và được trình bày ý kiến với tổ chức đảng khi *xem xét, quyết định công tác* (theo quy định nhiệm kỳ trước, đảng viên được trình bày ý kiến khi xem xét thi hành kỷ luật đối với mình).

4. Về đối tượng không xem xét kết nạp lại tại Điểm 3:

Không xem xét, kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: Tự bỏ sinh hoạt Đảng; làm đơn xin ra Đảng (trừ lý do vì gia đình đặc biệt khó khăn); gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị kết án vì tội tham nhũng; bị kết án về tội nghiêm trọng trở lên.

5. Về thời gian công nhận đảng viên chính thức tại Điểm 4:

Được quy định cụ thể “...; trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày chi bộ có nghị quyết đề nghị công nhận đảng viên chính thức, thì cấp ủy có thẩm quyền phải xem xét, quyết định; trường hợp đặc biệt có thể gia hạn tối đa 30 ngày làm việc”.

6. Việc quản lý hồ sơ đảng viên tại Điểm 6:

Bổ sung cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý “hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên đối với đảng viên đi lao động, học tập tự túc ở nước ngoài”, nhằm phân biệt rõ việc quản lý hồ sơ đảng viên của đảng ủy ngoài nước và các tổ chức đảng ở trong nước có đảng viên đi lao động, học tập tự túc ở nước ngoài.

6.1. Việc chuyển sinh hoạt đảng chính thức:

Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang đơn vị mới, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, thôi việc, phục viên hoặc thay đổi nơi cư trú lâu dài *thì trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày quyết định có hiệu lực phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức*. Quy định như vậy sẽ tránh được tình trạng một số đảng viên khi đã có quyết định nghỉ hưu hoặc chuyển công tác nhưng vẫn sinh hoạt đảng tại cơ quan, đơn vị, không chuyển sinh hoạt về đơn vị mới hoặc địa phương. Bổ sung *trường hợp đảng viên đang bị thanh tra, kiểm tra hoặc đang xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo thì chưa chuyển sinh hoạt đảng chính thức*.

6.2. Chuyển sinh hoạt đảng khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, bị giải thể:

Quy định rõ sau khi cấp ủy có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán hoặc giải thể một chi bộ, đảng bộ *thì trong thời hạn 30 ngày làm việc*, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó thu hồi hồ sơ, con dấu và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

7. Việc xóa tên đảng viên tại Điểm 8:

Bổ sung thêm trường hợp “đảng viên không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Chính trị” thì chi bộ xem xét, đề nghị cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên. Đảng viên bị xóa tên có quyền khiếu nại với cấp ủy cấp trên cho đến Ban Bí thư Trung ương Đảng (quy định trước đây là có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương).

8. Về thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình tại Điểm 9:

Quy định rõ hơn về đối tượng thực hiện việc kiểm điểm đánh giá thực hiện nghị quyết đại hội như *ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy viên các cấp, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng*. Quy định cụ thể nội dung kiểm điểm của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra của cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

9. Về nhiệm vụ của đoàn chủ tịch đại hội tại Điểm 11:

Bổ sung thêm nhiệm vụ của đoàn chủ tịch đại hội “*chuẩn bị ý kiến giải trình các vấn đề đại biểu còn có ý kiến khác nhau*”.

Về nhiệm vụ của ban kiểm phiếu đại hội Đảng: Quy định của nhiệm kỳ trước, khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu thì ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử; Quy định mới bổ sung ban kiểm phiếu phải *báo cáo với đoàn chủ tịch* trước khi công bố kết quả bầu cử.

10. Tại Điểm 15 quy định điểm mới so với quy định trước đây:

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa mới do đồng chí Tổng bí thư khóa trước (*tái cử hoặc không tái cử*) làm triệu tập viên khai mạc, chủ trì cho đến khi bầu xong đoàn chủ tịch hội nghị. Quy định bổ sung “*đồng chí phó bí thư đảng ủy quân sự cấp tỉnh, cấp huyện được ký các văn bản với chức danh phó bí thư ngay sau khi được bầu*”, vì thực tế đồng chí bí thư đảng ủy quân sự là bí thư cấp ủy địa phương chưa được bầu để tham gia đảng ủy quân sự theo quy định.

11. Về báo cáo kết quả đại hội tại Điểm 16:

Quy định mới yêu cầu *trong thời hạn 7 ngày làm việc*, kể từ ngày bế mạc đại hội, cấp ủy khóa mới phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp kết quả và biên bản bầu cử trong đại hội và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp ủy cấp dưới, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y kết quả bầu cử theo quy định.

Ngoài những nội dung bổ sung, đổi mới nêu trên, quy định mới bổ sung việc lập ban nội chính ở cấp tỉnh đến Trung ương; nơi có yêu cầu lập ban kinh tế tỉnh ủy, thành ủy giao Bộ Chính trị xem xét, quyết định; quy định về Tổng cục Chính trị trong Công an nhân dân; việc lập chi bộ cơ sở, lập tổ chức cơ sở đảng trong một số trường hợp cụ thể...; chỉnh sửa, lược bỏ hoặc bổ sung một số từ, cụm từ cho phù hợp với thực tế hiện nay.

III. Một số điểm mới trong Quy định số 30 -QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của BCH Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Ngày 26-7-2016, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Quy định số 30-QĐ/TW về thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Theo đó, Quy định số 30-QĐ/TW không thay thế Quyết định số 46-QĐ/TW ngày 01-11-2011 ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI (gọi tắt là Hướng dẫn 46), mà chỉ sửa đổi, bổ sung những nội dung còn thiếu, chưa cụ thể, chưa rõ; những điểm mới phát sinh đã rõ, mang tính nguyên tắc và thủ tục, thẩm quyền hoặc cụ thể hóa thêm một số nội dung theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Những điểm bổ sung, sửa đổi là:

1. Về tên gọi của văn bản

Hội nghị Trung ương Khoá XII đã quyết định đổi tên gọi “*Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII, Điều lệ Đảng khoá XI*” thành “*Quy định thi hành Chương VII Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng*”. Bởi lẽ, từ nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng đến nay, Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đều ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng của từng khoá. Vì vậy, để bảo đảm sự thống nhất chung, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định đổi tên gọi từ Hướng dẫn thành Quy định.

2. Về chủ thể kiểm tra, giám sát

- Quy định số 30-QĐ/TW bổ sung chủ thể kiểm tra, giám sát là *ban thường vụ đảng ủy cơ sở*. Trước đó, Hướng dẫn 46 quy định chủ thể kiểm tra, giám sát *không có ban thường vụ đảng ủy cơ sở* mà chỉ có: chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên; ủy ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp ủy, cơ quan ủy ban kiểm tra; ban cán sự đảng, đảng đoàn.

Tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XII, Ban Chấp hành Trung ương cho rằng, ban thường vụ đảng ủy cơ sở là tổ chức đảng hoàn chỉnh, có chức năng, nhiệm vụ trực tiếp điều hành, giải quyết công việc của đảng ủy giữa hai kỳ họp; có nhiệm vụ chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và của cấp mình trong đảng bộ. Do đó, Trung ương quyết định bổ sung *ban thường vụ đảng ủy cơ sở* là chủ thể kiểm tra, giám sát.

- Bổ quy định “cơ quan ủy ban kiểm tra” là chủ thể kiểm tra, vì theo quy định hiện hành, cơ quan ủy ban kiểm tra là cơ quan tham mưu, giúp việc cho ủy ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng.

3. Về đối tượng kiểm tra, giám sát

Quy định số 30-QĐ/TW, bổ sung chi ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở là đối tượng kiểm tra, giám sát cho phù hợp với Quy định 263-QĐ/TW, ngày 08-10-2014 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm. Như vậy, đối tượng kiểm tra, giám sát trong Quy định là: Chi ủy, chi bộ, đảng ủy bộ phận, ban thường vụ đảng ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên; ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy tiến hành công tác kiểm tra, giám sát

Quy định số 30-QĐ/TW bổ sung các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy: Chủ trì giải quyết tố cáo theo Quy định của Bộ Chính trị hoặc cấp ủy cùng cấp về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp ủy quản lý có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

Bởi lẽ các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, ngoài việc tham mưu cho cấp ủy tiến hành công tác kiểm tra, công tác giám sát, còn được giao nhiệm vụ chủ trì giải quyết tố cáo theo Quyết định 210-QĐ/TW ngày 08-11-2013 của Bộ Chính trị.

4. Về ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

Bổ sung nội dung: “*Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng*” để ủy ban kiểm tra các cấp xác định đó là nhiệm vụ của mình và có trách nhiệm phổ biến các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

5. Về lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát

Bổ sung nội dung: “*Cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng*” để cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp có sự lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến về công tác này đối với ủy ban kiểm tra các cấp và các tổ chức đảng.

6. Về số lượng ủy ban kiểm tra

- Điều chỉnh số lượng ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương bằng số lượng ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương là 11-13 ủy viên (do Đảng ủy Khối quyết định), trước đó, là 9-11 ủy viên.

- Bổ sung thêm chức danh Chánh Thanh tra Bộ Công an tham gia làm ủy viên kiêm chức Ủyban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương cho đồng bộ và thống nhất với cơ cấu của Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương.

- Không quy định trần quân hàm đối với các đồng chí ủy viên chuyên trách của Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương vì đã được quy định trong Luật Sĩ quan quân đội và Luật Công an Nhân dân.

- Bổ sung cơ cấu tổ chức và số lượng ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Ngoài nước. Cụ thể như sau:

Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Ngoài nước số lượng từ 7-9 ủy viên (do đảng ủy cùng cấp quyết định), trong đó có 3 ủy viên chuyên trách và từ 4 đến 6 ủy viên kiêm chức; từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm; có 2 cấp ủy viên cùng cấp.

Ủy viên chuyên trách: Chủ nhiệm là ủy viên ban thường vụ đảng ủy; Phó chủ nhiệm thường trực là cấp ủy viên cùng cấp và 1 ủy viên.

Ủy viên kiêm chức: Phó chủ nhiệm là Trưởng ban hoặc Phó trưởng Ban Tổ chức, các ủy viên là Trưởng ban hoặc Phó trưởng Ban Tuyên giáo, Trưởng ban hoặc Phó trưởng Ban công tác quần chúng, Chánh Văn phòng hoặc Phó Chánh văn phòng và cán bộ thuộc các ban của Đảng ủy Ngoài nước”.

- Việc chuẩn y, điều động thành viên ủy ban kiểm tra (Khoản 2, Điều 31): Quy định số 30-QĐ/TW bổ sung nội dung: “*Khi điều động thành viên ủy ban*

kiểm tra (kể cả ủy viên kiêm chức) sang công tác ở các đơn vị khác trong đảng bộ nhưng không cơ cấu chức danh tham gia ủy ban kiểm tra thì đương nhiên thôi tham gia ủy ban kiểm tra đương nhiệm” để tổ chức đảng giảm bớt các thủ tục cho đảng viên thôi, không tham gia ủy ban kiểm tra nữa.

7. Về nội dung giám sát

Thứ nhất, đối với tổ chức đảng: Quy định số 30-QĐ/TW bổ sung nội dung giám sát tổ chức đảng là: “Giám sát việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”. Vì thực tế hiện nay, có những văn bản được ban hành không đúng thẩm quyền, chưa phù hợp với thực tế, có những nội dung sai, gây phản cảm và bức xúc trong dư luận, thậm chí có văn bản có dấu hiệu ban hành để phục vụ cho các lợi ích cục bộ nhưng chưa được giám sát, kiểm duyệt một cách chặt chẽ.

Thứ hai, đối với cấp ủy viên và cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý: Hiện nay, các cấp ủy viên đều giữ những cương vị lãnh đạo, quản lý nhất định trong cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, do đó cần giám sát việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác đối với đảng viên đó. Ngoài ra, cần giám sát việc kê khai tài sản theo quy định cho phù hợp với tinh thần của Chỉ thị 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và cho đồng bộ với Quy chế làm việc của ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XII.

Do đó, Quy định số 30-QĐ/TW đã bổ sung 2 nội dung giám sát là: (1) Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, quy chế công tác; (2) Việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

8. Về thẩm quyền, nguyên tắc giải quyết tố cáo

- Để hạn chế những vi phạm trong việc tố cáo và ngăn chặn lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc, bôi nhọ sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đã kích, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ, tố cáo nhiều lần có dụng ý xấu và cũng nhằm bảo vệ bí mật cho người tố cáo, Quy định số 30-QĐ/TW đã bổ sung, sửa đổi quy định đơn tố cáo không giải quyết: *“Không giải quyết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền (do Điều lệ Đảng và Luật Tố cáo quy định) xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên, nhưng trong nội dung của đơn không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng; đơn tố cáo không phải bản do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự”.*

- Bổ sung nội dung: *“Trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo thì tổ chức đảng giải quyết tố cáo không xem xét, giải quyết nội dung tố cáo đó, trừ trường hợp bị đe dọa, ép buộc, mua chuộc”.* Vì trước đó, Hướng dẫn 46 chưa quy định nội dung người tố cáo xin rút nội dung đã tố cáo. Nhưng trên thực tế có nhiều trường hợp trong quá trình tổ chức đảng đang giải quyết tố cáo, người tố

cáo nhận thấy nội dung tố cáo không phù hợp, đã tự nguyện xin rút một hoặc một số nội dung tố cáo, nhưng tổ chức đảng không cho rút và vẫn giải quyết đơn tố cáo. Trong khi đó Luật Tố cáo có quy định những trường hợp cho rút nội dung tố cáo.

- Bổ sung, sửa đổi nội dung sau: Những người lợi dụng việc tố cáo để *xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt*, đả kích, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ, *tái tố nhiều lần có dụng ý xấu phải được xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và Nhà nước*, để giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, ngăn chặn, xử lý kịp thời tình trạng tố cáo với dụng ý xấu.

9. Về phạm vi giải quyết khiếu nại

Quy định số 30-QĐ/TW bổ sung nội dung: Chỉ giải quyết khiếu nại về *nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại*. Vì trước đó, Hướng dẫn 46 quy định: *“Chỉ giải quyết những nội dung quyết định kỷ luật đảng mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại”*.

Tuy nhiên, thực tế trong nhiệm kỳ Đại hội X và XI, người khiếu nại không chỉ khiếu nại về nội dung vi phạm mà còn khiếu nại cả về quy trình, nguyên tắc, thủ tục, thẩm quyền xem xét, kỷ luật. Ủyban kiểm tra các cấp đã tiến hành giải quyết nhiều trường hợp khiếu nại của đảng viên về các vấn đề này.

10. Về thi hành kỷ luật trong Đảng

- Quy định số 30-QĐ/TW đã bổ sung quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm: *“Thời hiệu xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị”*. Điều này cho rằng, hiện nay pháp luật nhà nước quy định rất cụ thể về thời hiệu xử lý đối với từng loại vi phạm, tội phạm, do vậy Đảng cũng nên quy định thời hiệu xử lý kỷ luật đảng là phù hợp. Tuy nhiên, việc quy định thời hiệu phải cân nhắc kỹ và thận trọng về các trường hợp vi phạm và về thời điểm thế nào cho hợp lý trong tổ chức đảng. Trước mắt, Quy định này chỉ quy định về chủ trương chung, còn nội dung cụ thể giao cho Bộ Chính trị xem xét quy định.

- Bổ sung việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với đảng viên bị kỷ luật oan: Hướng dẫn 46 quy định: *“Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định”*. Tuy nhiên, sau khi có Luật Trách nhiệm Bồi thường Nhà nước, nhiều đảng viên cho rằng, Đảng cũng cần quy định việc xin lỗi và bồi thường đối với đảng viên bị kỷ luật oan, để thống nhất với quy định của Nhà nước; đồng thời, cũng nhằm đề cao trách nhiệm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong thi hành kỷ luật. Do vậy, Quy định số 30-QĐ/TW bổ sung: *Đảng viên bị kỷ luật oan phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị*.

11. Về tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định

- Hướng dẫn 46 quy định việc bỏ phiếu biểu quyết kỷ luật đảng phải tiến hành 2 lần; trong đó, lần 1 bỏ phiếu biểu quyết “có kỷ luật hay không kỷ luật”, trường hợp biểu quyết “có kỷ luật” thì bỏ phiếu lần 2 để biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật cụ thể.

Quá trình thực hiện, các tổ chức đảng cấp dưới cho là chưa phù hợp. Mặt khác, hiện nay các lỗi vi phạm đã được xác định rõ về hình thức kỷ luật theo Quy định 181-QĐ/TW, ngày 30-3-2013 của Bộ Chính trị khoá XI về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. Vì vậy, chỉ quy định chung trong một mẫu phiếu biểu quyết kỷ luật như đã thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội X là phù hợp.

Đồng thời, bổ sung việc sau khi bỏ phiếu biểu quyết quyết định kỷ luật, nếu số phiếu phân tán, không có hình thức kỷ luật nào quá 50% thì thực hiện cộng dồn phiếu để xác định hình thức kỷ luật cụ thể; qua đó nhằm nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới trong việc xem xét, thi hành kỷ luật và khắc phục tình trạng đùn đẩy lên cấp trên phải giải quyết.

Chính vì lý do trên, Quy định số 30-QĐ/TW, đã bổ sung, làm rõ: Việc biểu quyết đề nghị kỷ luật hoặc biểu quyết quyết định kỷ luật phải bằng phiếu kín. Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết quyết định hoặc biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật cụ thể bằng phiếu kín.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 và 2, Khoản 7, Điều 39, Hướng dẫn 46.

Trong quá trình thực hiện quy định cho thấy: Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải qua nhiều cấp; nhiều trường hợp khiếu nại lên đến Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Trung ương phải thành lập nhiều đoàn giải quyết khiếu nại rất tốn kém và kéo dài thời gian giải quyết; kết quả giải quyết khiếu nại ở cấp Trung ương hầu hết là giữ nguyên hình thức kỷ luật. Do đó, Quy định số 30-QĐ/TW đã sửa đổi, bổ sung hai điểm cho phù hợp hơn. Cụ thể là:

1. Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ đảng ủy cơ sở, đảng ủy cấp trên cơ sở, ủy ban kiểm tra, ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên.

Đảng viên là cấp ủy viên các cấp, thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chỉ bộ đã quyết định xử lý kỷ luật theo thẩm quyền, nếu có khiếu nại thì do cấp ủy cơ sở hoặc ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu.

Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì tổ chức đảng cấp trên tiếp tục giải quyết.

2. Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức do cấp ủy, tổ chức đảng

trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định; còn đối với các hình thức kỷ luật do Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng”.

Trần Quốc Trình

Đảng ủy viên, Chánh Văn phòng Đảng ủy